TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ X** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 10/2022/KDTM-ST Ngày: 22-7-2022 V/v tranh chấp hợp đồng gia công	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ X, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Giang;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Ngọc Toàn;

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Loan.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn Kiệt - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố X, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 23/2021/TLST-KDTM ngày 02 tháng 7 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng gia công" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 226/2022/QĐXXST-KDTm ngày 08 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 228/2022/QĐST-KDTM ngày 01 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty TNHH một thành viên Tr;

Trụ sở: Số 132K/5 đường C nối dài, phường K, quận N, thành phố Cần Thơ;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Th, chức vụ: Giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Thanh B, sinh năm 1981;

Cư trú: Số 3A đường Ph, phường M, thành phố X, tỉnh An Giang.

- *Bị đơn:* Công ty cổ phần V;

Trụ sở: Quốc lộ 91, khóm Th, phường Th1, thành phố X, tỉnh An Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tống Duy M1, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

Tại phiên tòa, ông B đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình làm việc, hòa giải, giải quyết vụ án, Công ty TNHH một thành viên Tr do ông Hồ Thanh B đại diện trình bày:

Ngày 28 tháng 7 năm 2019, Công ty cổ phần V (viết tắt là Công ty V) do ông Ngô Văn T làm Tổng giám đốc đại diện ký hợp đồng gia công cá tra nguyên liệu với Công ty TNHH một thành viên Tr (viết tắt là Công ty Tr), thời hạn gia công từ ngày 31 tháng 7 năm 2019 đến ngày 31 tháng 7 năm 2021. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V nhiều lần tạm ứng tiền của Công ty Tr để thanh toán tiền lương, tiền thưởng cho công nhân và chi phí điện, nước. Tổng cộng số tiền tạm ứng tính đến ngày 15 tháng 5 năm 2020 là 9.630.491.325 đồng. Công ty V không có khả năng thanh toán hoàn ứng công nợ nên bàn bạc và thống nhất với Công ty Tr để ký Phụ lục hợp đồng gia công ngày 15 tháng 5 năm 2020, từ đó trích một phần tiền thuê sử dụng nhà xưởng, công nhân cho việc hoàn ứng dần số công nợ, cụ thể là: Công ty V khoán toàn bộ nhà xưởng, thiết bị, máy móc phục vụ sản xuất cho Công ty Tr quản lý, sử dụng, chi phí khoản sử dụng là 550.000.000 đồng/tháng, trong đó: 300.000.000 đồng là để cấn trừ dần công nợ (9.630.491.325 đồng), còn lại 250.000.000 đồng Công ty Tr sẽ thanh toán cho Công ty V, thời hạn khoản là 18 tháng (đến ngày 15 tháng 01 năm 2023).

Tuy nhiên, đến ngày 25 tháng 5 năm 2021, Công ty Tr được biết toàn bộ nhà máy của Công ty V đã được bán đấu giá thành công cho Công ty cổ phần du lịch G (thuộc tập đoàn S). Do đó, Công ty Tr buộc dừng sản xuất. Đến ngày 26 tháng 5 năm 2021 thì Công ty V có thông báo về việc kết thúc hợp đồng gia công và đối chiếu, xác định công nợ giữa hai bên. Ngày 08 tháng 6 năm 2021 thì đại diện hai Công ty ký biên bản đối chiếu công nợ, theo đó Công ty V còn nợ Công ty Tr số tiền 2.429.905.192 đồng sau khi đã thống nhất hoàn ứng đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021 và cam kết sẽ trả nợ trước ngày 14 tháng 6 năm 2021. Ngày 08 tháng 6 năm 2021 Công ty Tr có văn bản đề nghị trả dứt nợ như cam kết, nhưng đến nay Công ty V chưa thực hiện.

Nay Công ty Tr yêu cầu Công ty V trả số tiền 2.429.905.192 đồng, đây là số tiền Công ty V nhận tạm ứng của Công ty Tr để trả lương cho công nhân.

Bị đơn Công ty V do ông Tống Duy M1 đại diện trình bày: tại phiên hòa giải ngày 05 tháng 7 năm 2021, bị đơn thừa nhận việc Công ty Tr và Công ty V có ký kết hợp đồng gia công và phụ lục hợp đồng như nguyên đơn trình bày. Bị đơn thống nhất ý kiến của Công ty Tr và đồng ý trả cho Công ty Tr số tiền 2.429.905.192 đồng. Tuy nhiên, sau đó ngày 10 tháng 7 năm 2021, Công ty V có văn bản thông báo số 16/2021/TB-VA yêu cầu Công ty Tr cung cấp đầy đủ tất cả các chứng từ liên quan đến công nợ vì thấy số liệu chưa đầy đủ, chính xác. Do trước đây ông Ngô Văn T, tổng giám đốc chịu trách nhiệm quản lý tài chính, đối chiếu công nợ. Nay ông T đã bị Công an tỉnh An Giang tạm giam do liên quan đến

vụ án khác, không thể liên lạc được. Công ty V yêu cầu được hòa giải lại vì cần xem xét cẩn thận tất cả số liệu liên quan để tránh các sai sót có thể (nếu có). Sau khi đối chiếu lại, Công ty V nhận thấy có việc Công ty Tr chuyển tiền vào tài khoản cá nhân của ông T, ví dụ như theo Hợp đồng gia công ngày 28 tháng 7 năm 2019 thì Công ty Tr phải chuyển cho Công ty V 2.500.000.000 đồng, nhưng Công ty Tr chỉ chuyển vào tài khoản của Công ty V 2.000.000.000 đồng còn lại 500.000.000 đồng là chuyển vào tài khoản cá nhân ông T. Công ty V không thể chịu trách nhiệm với tiền chuyển cho cá nhân ông T được. Nên Công ty V yêu cầu Công ty Tr cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc chuyển tiền theo các Bảng đề nghị tạm ứng và các chứng từ khác nhưng phải khớp với số tiền Công ty Tr yêu cầu trả. Số tiền nào chuyển vào tài khoản của Công ty V thì bị đơn mới thống nhất chịu trách nhiệm, còn số tiền nào chuyển vào tài khoản của cá nhân ông T thì không phù hợp, Công ty V không chấp nhận. Công ty V đồng ý trả nợ cho Công ty Tr nhưng về số tiền trả thì chưa thống nhất. Nếu Công ty Tr chứng minh được khoản tiền nào chuyển cho Công ty V thì Công ty V sẽ chịu trách nhiệm trả số tiền đó. Giả sử chỉ có 500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của cá nhân ông T, nguyên đơn chỉ yêu cầu trả 2.000.000.000 đồng thì Công ty V sẽ xem xét trả nợ.

Tòa án đã tiến hành tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải nhưng các đương sự không thống nhất về việc giải quyết toàn bộ vụ án. Do đó, Tòa án mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án để Hội đồng xét xử xem xét, quyết định.

Tại phiên tòa:

- Ông B đại diện cho nguyên đơn trình bày: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Còn đối với số tiền 500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của cá nhân ông T là theo yêu cầu của ông T thời điểm đó là người đại diện theo pháp luật của Công ty V, đồng thời khi chuyển khoản Công ty Tr đều ghi rõ lý do chuyển khoản là để thực hiện tạm ứng khoản tiền cho Công ty V chứ không chuyển cho mục đích cá nhân của ông T.

- Bị đơn vắng mặt, không cung cấp thêm ý kiến và tài liệu, chứng cứ chứng minh cho các ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, là đảm bảo theo đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết và thực hiện Hợp đồng gia công cá tra nguyên liệu ngày 28 tháng 7 năm 2019 và Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 5 năm 2020. Các bên đã lập biên bản đối chiếu công nợ, có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty V, đóng dấu của Công ty V. Công ty V đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Việc đại diên Công ty V không chấp nhận trả nợ đối với số tiền Công y Tr đã chuyển vào tài khoản cá nhân của ông T thì khi

chuyển khoản đã có nội dung diễn giải "thom ct cty viet an tam ung gia cong". Trên cơ sở Hợp đồng gia công, các biên bản đối chiếu công nợ cho thấy các bên đã có sự thống nhất với nhau và đồng ý xác nhận số tiền còn nợ. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đon là có cơ sở chấp nhận, bị đơn có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền 2.429.905.192 đồng theo biên bản đối chiếu công nợ ngày 08 tháng 6 năm 2021.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra, xem xét tại phiên tòa, kết quả việc tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, kiểm sát viên, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn và bị đơn đều là pháp nhân có đăng ký kinh doanh; nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền phát sinh từ hợp đồng gia công. Bị đơn có trụ sở tại thành phố X. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án kinh doanh thương mại về "Tranh chấp hợp đồng gia công" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố X.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không lý do; nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Công ty Tr căn cứ vào Hợp đồng gia công ngày 28 tháng 7 năm 2019, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 5 năm 2020, các bảng đề nghị thanh toán, bảng tổng hợp, biên bản đối chiếu công nợ để khởi kiện yêu cầu Công ty V phải thanh toán số tiền còn nợ do mua đá của Công ty Tr là 2.429.905.192 đồng. Công ty V thống nhất về việc còn nợ tiền Công ty Tr, nhưng không thống nhất về số tiền còn nợ vì cho rằng trong đó có một phần chuyển vào tài khoản cá nhân của ông Nguyễn Văn Thu, Tổng giám đốc Công ty V; đối với số tiền này thì Công ty V không đồng ý trả.

[3.2] Xét thấy: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do Công ty Tr cung cấp nêu trên thể hiện giữa Công ty Tr và Công ty V có việc ký kết và thực hiện Hợp đồng gia công ngày 28 tháng 7 năm 2019, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 5 năm 2020. Theo nội dung hợp đồng thì Công ty Tr thuê Công ty V gia công sản phẩm cá tra, Công ty Tr sẽ tạm ứng cho Công ty V các chi phí thực hiện việc gia công, lương công nhân... và Công ty V sẽ bàn giao sản phẩm đã gia công để nhận tiền công sau khi khấu trừ số tiền đã được tạm ứng trước đó. Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty V đã nhiều lần tạm ứng và hoàn ứng. Hai công ty đều thực hiện đối chiếu công nợ theo tháng hoặc quý thể hiện tại các Đề nghị tạm ứng, Biên bản đối chiếu công nợ. Và đến hết ngày 30 tháng 6 năm 2021 số tiền mà Công ty V còn nợ lại Công ty Tr là 2.429.905.192 đồng theo Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08 tháng 6 năm 2021.

[3.3] Công ty V thừa nhận việc thực hiện hợp đồng gia công, việc còn nợ tiền Công ty Tr, chỉ không đồng ý với số tiền còn nợ. Xét thấy: Công ty V cho rằng

trong Công ty Tr có thực hiện chuyển tiền vào tài khoản của ông Ngô Văn T, Tổng giám đốc Công ty V 500.000.000 đồng, đây là chuyển cho cá nhân ông T nên Công ty V không đồng ý trả số tiền này. Tuy nhiên, căn cứ vào tài liệu chứng cứ Công ty Tr cung cấp thể hiện: Công ty Tr có thực hiện chuyển khoản 500.000.000 đồng vào tài khoản của ông Ngô Văn T ngày 02 tháng 8 năm 2019 nhưng nội dung diễn giải "thom ct cty viet an tam ung tien gia cong". Đồng thời tại Tờ trình ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Công ty Tr diễn giải về số tiền tạm ứng ban đầu từ ngày 30 tháng 7 năm 2019, ngày 02 tháng 8 năm 2019, quá trình hoàn ứng của Công ty V để dẫn đến số nợ còn lại đầu kỳ 2020 (tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2020) là phù hợp với các Bảng đề nghị thanh toán, Bảng tổng hợp công nợ tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2022 có xác nhận của người đại diện theo pháp luật của hai Công ty. Điều này thể hiện khoản tiền 500.000.000 đồng chuyển vào tài khoản của cá nhân ông T là để tạm ứng cho Công ty V và được xác nhận là nợ của Công ty V bằng Bảng tổng hợp công nợ tính đến ngày 06 tháng 4 năm 2022. Quá trình dài thực hiện việc tạm ứng và hoàn ứng từ năm 2019 đến năm 2022, Công ty V đều không có ý kiến phản bác đối với số tiền chuyển vào tài khoản của ông T nêu trên. Mặt khác, các Bảng tổng hợp công nợ, đối chiếu công nợ và Biên bản đối chiếu công nợ ngày 08 tháng 6 năm 2021 mà Công ty V thừa nhận số tiền còn nợ 2.429.905.192 đồng đều có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và đóng dấu của Công ty V. Vì vậy, Công ty V vẫn phải chịu trách nhiệm đối với số tiền này. Ngoài ra, Công ty V cũng không chứng minh được có khoản tiền nào mà Công ty Tr đã chuyển được sử dụng vào mục đích cá nhân của ông T chứ không phải sử dụng vào hoạt động của Công ty V. Do đó, ý kiến trình bày của bị đơn không có cơ sở để chấp nhận.

[3.4] Tại Hợp đồng gia công ngày 28 tháng 7 năm 2019, Phụ lục hợp đồng ngày 15 tháng 5 năm 2020, các bên không có thoả thuận về việc phạt vi phạm hợp đồng; chỉ quy định Công ty Tr phải chịu phạt lãi suất trả chậm là 2%/tháng trên phí quá hạn chưa thanh toán đối với chi phí gia công (khoản 2.4 Điều 2 của Hợp đồng gia công ngày 28 tháng 7 năm 2019), không thoả thuận về việc Công ty V phải chịu lãi chậm trả khi chưa thực hiện hoàn ứng, trả sản phẩm gia công hoặc trả không đúng thời hạn. Nguyên đơn cũng không yêu cầu bị đơn phải thực hiện nghĩa vụ chậm thanh toán hoặc phạt vi phạm hợp đồng.

[3.5] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc Công ty V có nghĩa vụ trả cho Công ty Tr số tiền 2.429.905.192 đồng.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Công ty Tr không phải chịu tiền án phí sơ thẩm. Công ty V phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 30, 35, 39, 144, 147, 227, 228, 235, các Điều 271, 273, 278 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các Điều 178, 179, 180, 181, 182, 183, 306 Luật Thương mại năm 2005.

- Điều 357, khoản 2 Điều 428 Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH một thành viên Tr đối với Công ty CP V.

Buộc Công ty CP V có nghĩa vụ trả cho Công ty TNHH một thành viên Tr số tiền tổng cộng là: 2.429.905.192 đồng (hai tỷ bốn trăm hai mươi chín triệu chín trăm linh năm nghìn một trăm chín mươi hai đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty CP V phải chịu án phí sơ thẩm là 80.598.104 đồng (tám mươi triệu năm trăm chín mươi tám nghìn một trăm linh bốn đồng).

Công ty TNHH một thành viên Tr không phải chịu án phí sơ thẩm và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 40.299.000 đồng (bốn mươi triệu hai trăm chín mươi chín nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000547 ngày 01 tháng 7 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố X.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND t. An Giang (1);
- VKSND tp. X (2);
- Chi cục THADS tp. X (1);
- Các đương sự (3);
- Văn phòng (4);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thùy Giang